

Sóc Trăng, ngày 12 tháng 7 năm 2019

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

(Dùng cho các đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng NSNN)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ,

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ:

ĐV tính: đồng

Số TT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện 06 tháng đầu năm 2019	Ước thực hiện/Dự toán năm 2019 (%)	Ước thực hiện 06 tháng đầu năm 2019 so với cùng kỳ năm trước (%)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	0			
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	11.094.048.000			
*	Nguồn Ngân sách trong nước	11.094.048.000			
I	Chi quản lý hành chính	11.094.048.000			
I.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.745.000.000	3.088.254.711	46	
I.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	4.349.048.000	869.165.648	20	
1	Kinh phí hoạt động Pháp chế	390.900.000	28.120.000	7	
2	Đăng nhập phần mềm đăng ký tài sản (theo Công văn số 10809/BTC-QLCS ngày 10/8/2012 của Bộ Tài chính)	4.000.000	0	0	
3	Kinh phí tổ chức thuê tư vấn xác định giá trị, giá khởi điểm và tổ chức bán đấu giá một số tài sản công trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng	438.180.000	0	0	
4	Kinh phí Hội đồng thẩm định giá đất	286.059.000	88.183.822	31	
5	Kinh phí điều tra chi phí sản xuất và tính giá thành cá tra năm 2019 (02 đợt)	80.520.000	9.852.000	12	
6	Kinh phí điều tra chi phí sản xuất và tính giá thành Lúa 02 vụ năm 2019	80.520.000	32.820.000	41	
7	Chi mua sắm trang phục thanh tra	20.281.000	19.421.000	96	
8	Công tác phí Thanh tra	69.140.000	0	0	
9	Kinh phí bồi dưỡng công tác tiếp dân	8.880.000	0	0	
10	Mua sắm máy móc, thiết bị và chi phí tổ chức mua sắm	201.500.000	35.626.000	18	
11	Sửa chữa tài sản (bao gồm máy móc, thiết bị và sửa chữa xe ô tô)	400.000.000	21.340.000	5	
12	Công tác phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất trong và ngoài tỉnh	355.000.000	112.441.630	32	
13	Kinh phí Ban Chỉ đạo 389 tỉnh	944.260.000	225.893.274	24	
14	Ban biên tập cổng thông tin điện tử	164.560.000	36.287.000	22	
15	Kinh phí thực hiện hệ thống ISO	50.000.000	34.000.000	68	
16	Chi hoạt động Quỹ Phát triển đất	27.000.000	2.240.000	8	
17	Chi khen thưởng công chức cấp bộ khen	15.000.000	0	0	
18	Chi khác	115.000.000	58.852.922	51	
19	Hỗ trợ công chức một cửa	7.200.000	3.600.000	50	
20	Phần mềm khai thác báo cáo phục vụ điều hành và QTNS	200.000.000	0	0	
21	Kinh phí thuê tư vấn - dịch vụ thẩm định giá trị trụ sở (cũ) Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng	40.000.000	40.000.000	100	
22	Kinh phí phục vụ Đoàn công tác thực hiện đo đạc, kiểm tra hiện trạng nhà, đất công	28.548.000	0	0	
23	Chi phí học tập	45.000.000	19.316.000	43	



24	Kinh phí tổ chức Hội nghị và tiếp Đoàn công tác của Trung ương	362.500.000	101.172.000	28	
25	Kinh phí hoạt động duy trì, cải tiến thường xuyên HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN 9001:2015	15.000.000	0	0	

Sóc Trăng, ngày 12 tháng 7 năm 2019

Kế toán

nghe

Nguyễn Thị Tư

KT GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC *ur*



Trần Quốc Sở

